| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN M**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 59/2019/QĐST-HNGĐ | *M, ngày 14 tháng 5 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 43/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh D.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị T và anh D thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị T và anh D thống nhất giao cháu K, sinh ngày 21/11/2018 cho chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu K

đang sống chung với chị T. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh D thống nhất không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Án phí dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T và anh D, mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chị T tự nguyện chịu số tiền án phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), chị T đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013421 ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nên được chuyển thu án phí. Chị T được hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã V.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Thụy Lan Chi**